

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024; về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thu B, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lý Thu B trình bày: Nguyên năm 2009, bà Lý Thu B với ông Huỳnh Văn L xác lập quan hệ hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 02/03/2009. Trong quá trình chung sống ông bà có hai con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 12/06/2010 (theo Giấy khai sinh số 231 ngày 25/06/2010) và cháu Huỳnh Quốc Th, sinh ngày 14/12/2011

(theo Giấy khai sinh số 18 ngày 12/01/2015), hiện cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th sống với bà Lý Thu B; không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người khác nợ vợ chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường cãi vã, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cả hai không có tiếng nói chung nên đã không còn chung sống vợ chồng.

Nay bà Lý Thu B nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thu B xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 12/06/2010 và cháu Huỳnh Quốc Th, sinh ngày 14/12/2011 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); bà Lý Thu B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Huỳnh Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng, ông Huỳnh Văn L thống nhất và đồng ý theo bà Lý Thu B trình bày. Trong thời gian chung sống, ông Huỳnh Văn L và bà Lý Thu B có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa tới mức phải ly hôn. Trong hôn nhân đúng là ông Huỳnh Văn L có nói chuyện qua lại với người phụ nữ khác nhưng chỉ là bạn bè. Do đó, bà Lý Thu B yêu cầu ly hôn thì ông Huỳnh Văn L không đồng ý. Ông Huỳnh Văn L còn thương vợ con ông Huỳnh Văn L. Về con chung: Ông Huỳnh Văn L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 12/06/2010 và cháu Huỳnh Quốc Th, sinh ngày 14/12/2014 và không yêu cầu bà Lý Thu B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt và không có ý kiến khác nên xem như giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Lý Thu B yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn L; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 12/06/2010 và cháu Huỳnh Quốc Th, sinh ngày 14/12/2011 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); bà Lý Thu B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Huỳnh Văn L cư trú tại ấp Q, xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lý Thu B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Huỳnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Lý Thu B và bị đơn Huỳnh Văn L kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được UBND xã E, huyện W, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 02/03/2009, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thu B với ông Huỳnh Văn L là hợp pháp. Sau khi kết bà Lý Thu B và ông Huỳnh Văn L chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung là cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 12/06/2010 và cháu Huỳnh Quốc Th, sinh ngày 14/12/2011, theo bà Lý Thu B trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 05 năm 2024 cho đến nay. Bị đơn Huỳnh Văn L thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa tới mức phải ly hôn. Từ đó, bị đơn Ông Huỳnh Văn L không đồng ý ly hôn theo nguyên đơn Lý Thu B yêu cầu.

[2] Theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình “*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*” và theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”. Do đó, tự bà Lý Thu B hoặc bà Lý Thu B cùng ông Huỳnh Văn L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 02/10/2024 bà Lý Thu B tự mình gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Huỳnh Văn L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn Lý Thu B trong thời gian chung sống vợ chồng thường

xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 05 năm 2024 cho đến nay, thời gian bà Lý Thu B với ông Huỳnh Văn L phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống tính đến thời điểm khởi kiện và xét xử sơ thẩm là đã nhiều tháng, nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên và đến việc nuôi dạy con cái; nay bà Lý Thu B cương quyết ly hôn với ông Huỳnh Văn L. Do đó, theo bà Lý Thu B yêu cầu xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn L là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét thấy, cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 12/06/2010 và cháu Huỳnh Quốc Th, sinh ngày 14/12/2011 tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th trên 07 tuổi nên quyết định giao cháu cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu và phải xem xét nguyện vọng của các cháu; trên thực tế cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th từ khi bà Lý Thu B và ông Huỳnh Văn L không còn chung sống thì bà Lý Thu B là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th hiện được bà Lý Thu B nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và tình cảm gắn bó với bà Lý Thu B. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự cùng ngày 21/11/2024 cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn cháu xin được sống với bà Lý Thu B và hiện tại bà Lý Thu B cũng có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th; nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) và cuộc sống bình thường của cháu, nên sau khi ly hôn tiếp tục giao cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th cho bà Lý Thu B trực tiếp nuôi là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật. Bà Lý Thu B là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Huỳnh Văn L cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th đây là sự tự nguyện của bà Lý Thu B. Do vậy, theo bà Lý Thu B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th đến trưởng thành (tròn 18 tuổi) và bà Lý Thu B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con điều kiện kinh tế của bà Lý Thu B không đảm bảo nuôi con thì bà Lý Thu B vẫn được quyền khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn L cấp dưỡng nuôi con (khi cháu Huỳnh Ngọc H và cháu Huỳnh Quốc Th chưa tròn 18 tuổi) theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, theo bà Lý Thu B xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh và tranh chấp thì sẽ khởi kiện và giải quyết theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Thu B.

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý cho bà Lý Thu B và ông Huỳnh Văn L được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 12/06/2010 và cháu Huỳnh Quốc Th, sinh ngày 14/12/2011 cho bà Lý Thu B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Ông Huỳnh Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Huỳnh Văn L theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Theo bà Lý Thu B không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lý Thu B phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005612 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Lý Thu B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện W;
- THADS huyện W;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hùng Nuôi